

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM



DANH SÁCH LUẬT SƯ ĐLS TỈNH TRÀ VINH CHƯA NỘP

HỒI THÀNH VIÊN NĂM 2023 + 2024 + 2025 TÍNH ĐẾN NGÀY 15/04/2026

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền phải nộp	Ghi chú
1	Trịnh Thị Thư	20/10/1953	7352	17/10/2012	3,600,000	
2	Nguyễn Thành Lộc	14/03/1955	10139	16/09/2015	3,600,000	
3	Nguyễn Thị Thanh Mai	20/10/1969	19601	11/05/2023	2,500,000	
4	Huỳnh Phước Lợi	01/01/1982	8093	31/07/2013	2,400,000	
5	Nguyễn Văn Đồng	14/04/1984	18973	05/01/2023	2,400,000	
6	Trần Văn Phúc	07/10/1974	6170	13/08/2015	2,400,000	
7	Đông Văn Hùng	10/10/1964	4552	01/08/2010	1,200,000	
8	Lâm Khắc Sinh	17/12/1977	4555	01/08/2010	1,200,000	
9	Võ Hùng Huy	09/06/1984	7533	30/11/2012	1,200,000	
10	Trần Thanh Ngọc	07/05/1972	9312	18/11/2014	1,200,000	
11	Lưu Công Đoàn	20/10/1976	12333	15/09/2017	1,200,000	
12	Nguyễn Tấn Lộc	21/02/1987	14315	17/05/2019	1,200,000	
13	Kiều Diễm Thư	10/09/1980	14884	25/10/2019	1,200,000	
14	Trần Bá Phúc	05/08/1982	15014	22/11/2019	1,200,000	
15	Thái Sấm Bô	04/08/1975	15138	15/01/2020	1,200,000	
16	Thạch Văn Tuyền	02/09/1988	15520	17/04/2020	1,200,000	
17	Nguyễn Ngọc Ẩn	10/01/1951	16511	11/12/2020	1,200,000	
18	Nguyễn Trường Thịnh	13/01/1994	16643	08/01/2021	1,200,000	
19	Nguyễn Truyền Thống	01/12/1976	17392	25/06/2021	1,200,000	
20	Võ Trung Dương	18/12/1973	18355	01/07/2022	1,200,000	
21	Diệp Quang Đô	29/12/1961	18825	14/11/2022	1,200,000	
22	Phan Thị Cẩm Tú	30/11/1997	18960	26/12/2022	1,200,000	
23	Lê Thị Huyền Trân	09/04/1997	18968	26/12/2022	1,200,000	
24	Lê Thị Trúc Phương	15/04/1995	19892	03/08/2023	1,200,000	
25	Nguyễn Thị Kim Nhung	20/07/1967	20752	26/01/2024	1,200,000	
26	Phạm Văn Đăng	01/03/1981	22432	11/12/2024	1,200,000	
27	Trần Minh Nhật	23/01/1983	22014	17/09/2024	1,000,000	
28	Nguyễn Tiến Minh	17/02/1992	23187	28/03/2025	900,000	
29	Huỳnh Ngọc Thành	10/10/1957	12749	17/01/2018	600,000	
30	Trần Hương Thủy	18/08/1969	24257	26/09/2025	300,000	
31	Lê Văn Hùng	05/02/1965	24293	02/10/2025	300,000	
32	Nguyễn Thanh Bình	01/04/1964	24532	31/10/2025	200,000	
33	Nguyễn Văn Mến	11/12/1971	24533	31/10/2025	200,000	
34	Lê Trai	18/05/1965	24534	31/10/2025	200,000	
35	Kim Thị Ngọc Thu	02/07/1968	24399	22/10/2025	200,000	
36	Lý Văn Sáu	15/06/1962	19799	14/07/2023	100,000	
37	Trần Kiến Quốc	10/09/1984	21425	18/06/2024	100,000	
Tổng cộng:					45,000,000	

(Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng./.)

Người lập

Trần Kim Chung

Phụ trách Kế toán

Phạm Thanh Xuân

Chánh Văn phòng

Nguyễn Xuân Anh